

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 11 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**
2 Tên ngân hàng giám sát : **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)**
3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
4 Ngày lập báo cáo: 02/12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2009	KỶ BÁO CÁO Tháng 10/2009
1	Tiền	87,750,137,404	118,903,453,207
2	Các khoản đầu tư	2,328,911,963,195	2,629,688,361,699
2.1	Trái phiếu	268,616,479,349	268,436,755,349
2.2	Cổ phiếu	2,060,295,483,846	2,361,251,606,350
2.2.1	CP niêm yết	1,591,836,143,700	1,943,036,624,400
2.2.2	CP chưa niêm yết	468,459,340,146	418,214,981,950
3	Cổ tức được nhận	1,458,680,000	538,680,000
4	Lãi được nhận	12,845,034,987	11,750,396,951
4.1	Lãi trái phiếu	12,673,272,000	11,290,476,000
4.2	Lãi TGNH	171,762,987	459,920,951
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	13,523,094,400	8,506,771,400
6	Các khoản phải thu khác		
7	Các tài sản khác	133,380,611,000	92,149,541,096
	TỔNG TÀI SẢN	2,577,869,520,986	2,861,537,204,353
STT	NỢ	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2009	KỶ BÁO CÁO Tháng 10/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	12,965,532,135	54,455,693,242
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	12,742,500,000	52,424,440,000
8.2	Phí môi giới GDCK	223,032,135	2,031,253,242
9	Các khoản phải trả khác	4,667,930,909	5,087,705,281
9.1	Phí quản lý quỹ	4,274,469,176	4,678,098,380
9.2	Phí lưu ký, giám sát	170,978,767	187,123,935
9.3	Thù lao BDD	46,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán		
9.6	Phải trả khác	176,482,966	176,482,966
	TỔNG NỢ	17,633,463,044	59,543,398,523
	TÀI SẢN RỘNG CỦA QUỸ	2,560,236,057,942	2,801,993,805,830
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	25,602	28,020

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 11 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 02/12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 11/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 10/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,801,993,805,830	2,818,125,948,077
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(241,757,747,888)	(16,132,142,247)
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(241,757,747,888)	(16,132,142,247)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,560,236,057,942	2,801,993,805,830
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	25,602	28,020

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 11 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 02/12/2009

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 11/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 10/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	2,929,924,683	3,634,704,520	69,239,977,792
1	Cổ tức được nhận	920,000,000	254,644,000	32,265,483,980
2	Lãi được nhận	2,009,924,683	3,380,060,520	36,973,809,251
2.1	Lãi TGNH	230,888,683	1,541,724,520	15,953,217,827
2.2	Lãi trái phiếu	1,779,036,000	1,838,336,000	21,020,591,424
3	Thu nhập khác			684,561
II	Chi phí	4,665,112,659	5,277,214,524	44,804,130,807
1	Phí quản lý quỹ	4,274,469,176	4,678,098,380	39,577,858,691
2	Phí lưu ký, giám sát	170,978,767	187,123,935	1,690,698,884
3	Các loại chi phí khác	219,664,716	411,992,209	3,535,573,232
	Phí ngân hàng	10,395,233	10,004,836	81,586,664
	Thù lao Ban đại diện	46,000,000	46,000,000	546,000,000
	Phí môi giới bán CK	151,971,522	233,846,349	1,714,891,010
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	11,297,961	4,342,251	67,084,885
	Phí kiểm toán			40,004,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên		19,000,000	858,842,481
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1		7,840,396	45,075,877
	CP công tác phí BDD quỹ			63,741,314
	Chi phí khác		90,958,377	118,346,960
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	(1,735,187,976)	(1,642,510,004)	24,435,846,985
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(240,022,559,912)	(14,489,632,243)	838,828,167,609
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	30,133,633,843	46,688,806,175	192,868,216,436
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(322,036,804,755)	(61,178,438,418)	594,079,340,173
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp	51,880,611,000		51,880,611,000
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	(241,757,747,888)	(16,132,142,247)	863,264,014,594

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM